

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP HẠ

ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2021 -2022

MÔN: TOÁN LỚP 6

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian : 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện các phép tính

a/ $136 - 26 : 13$

b/ $39 \cdot 14 + 86 : 39$

c/ $(-20) + 45$

d/ $100 - (45 - 18 : 3^2)$

Bài 2 (2 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - 11 = 210$

b) $3x + 25 = 295$

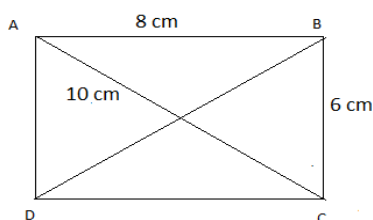
Bài 3: (1 điểm) Tìm và tính tổng các số nguyên x thỏa điều kiện: $-4 < x < 5$

Bài 4: Tìm (2 điểm)

a/ ƯCLN(16,48)

b/ BCNN (24,36)

Bài 5: (1 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 8\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$, $AC = 10\text{cm}$.
Tính độ dài các cạnh CD, AD , BD



Bài 6: (1 điểm) Điểm kiểm tra thường xuyên môn Toán của các học sinh tổ 1 của lớp 6A được ghi lại như sau:

8	7	8	7	6	8
9	6	5	9	8	10

a/ Hãy lập bảng thống kê cho các dữ liệu trên

b/ Điểm nào có số học sinh đạt nhiều nhất

Bài 7: (1 điểm) Đầu năm học An được mẹ dẫn đi mua sách, vở để học tập. Mẹ mua một bộ sách và 20 quyển vở, mẹ trả cho người bán hàng hết 830 000 đồng. Biết một bộ sách giá 720 000 đồng. Hỏi một quyển vở giá bao nhiêu?

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu	Nội dung	Thang điểm
<u>Bài 1</u> (2 điểm)	a) $136 - 26:13$ $= 136 - 2$ $= 134$	0,25 0,25
	b/ $39 \cdot 14 + 86 \cdot 39$ $= 39 \cdot (14 + 86)$ $= 39 \cdot 100$ $= 3\,900$	0,25 0,25
	c/ $(-20) + 45$ $= 45 - 20$ $= 25$	0,25 0,25
	d/ $100 - (45 - 18 : 3^2)$ $= 100 - (45 - 2)$ $= 100 - 43$ $= 57$	0,25 0,25
<u>Bài 2</u> (2 điểm)	a) $x - 11 = 210$	0,5

	$x = 210 + 11$ $x = 221$	0,5														
	b/ $3x + 25 = 295$ $3x = 295 - 25$ $3x = 270$ $x = 270 : 3$ $x = 90$	0,25 0,25 0,25 0,25														
<u>Bài 3</u> (1 điểm)	Các số nguyên x thỏa điều kiện $-4 < x < 5$ là: -3 ; -2; -1 ; 0; 1; 2; 3;4 Tổng: $(-3) + (-2) + (-1) + 0 + 1 + 2 + 3 + 4 = 4$	0,5 0,5														
<u>Bài 4</u> (2 điểm)	a/ $16 = 2^4$; $48 = 2^4 . 3$ $\Rightarrow UCLN(16,48) = 2^4 = 16$ b/ $24 = 2^3 . 3$; $36 = 2^2 . 3^2$ $\Rightarrow BCNN(24,36) = 2^3 . 3^2 = 72$	0,5 + 0,5 0,5 + 0,5														
<u>Bài 5</u> (1 điểm)	Ta có ABCD là hình chữ nhật $\Rightarrow CD = AB = 8\text{ cm}$ (hai cạnh đối diện) Và $AD = BC = 6\text{ cm}$ (hai cạnh đối diện) $BD = AC = 10\text{ cm}$ (hai đường chéo)	0,25 0,25 0,25 0,25														
<u>Bài 6</u> (1 điểm)	a/ Bảng thống kê điểm kiểm tra thường xuyên môn Toán của các học sinh tổ 1 lớp 6A là: <table border="1"><tr><td>Điểm số</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>Số HS đạt</td><td>1</td><td>2</td><td>2</td><td>4</td><td>2</td><td>1</td></tr></table> b/ Điểm 8 có số học sinh đạt nhiều nhất	Điểm số	5	6	7	8	9	10	Số HS đạt	1	2	2	4	2	1	0,25 0,5 0,25
Điểm số	5	6	7	8	9	10										
Số HS đạt	1	2	2	4	2	1										

<u>Bài 7</u>	Số tiền mua 20 quyển tập là:	0,5
(1 điểm)	$830\,000 - 720\,000 = 110\,000$ (đồng)	
	Giá tiền một quyển tập là:	0,5
	$110\,000 : 20 = 5\,500$ (đồng)	

UBND HUYỆN CỬ CHI

ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2021 -2022

TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP HẠ

MÔN: TOÁN LỚP 6

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian : 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

BẢNG ĐẶC TẢ CỦA MA TRẬN

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Các phép tính trong tập hợp N	Các phép tính cộng trừ, nhân, chia trong tập hợp N	Nhận biết: Hiểu các phép tính trong N để giải bài toán tìm x Vận dụng: Vận dụng các phép tính trong N để giải bài toán Vận dụng các phép tính trong N để giải bài toán thực tế	1	-	2	1
2	Thứ tự thực hiện các phép tính	Thứ tự thực hiện các phép tính	Thông hiểu: Hiểu thứ tự của các phép tính trong tập hợp N để giải bài toán Vận dụng: Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính trong tập N để giải bài toán	-	1	1	-
3	SNT. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	Nhận biết: Biết phân tích một số ra thừa số nguyên tố	1	-	-	-
4	Ước	ƯCLN	Thông hiểu:	-	0,5	-	-

	chung. ƯCLN		Hiểu và có thể vận dụng quy tắc để tìm ước chung lớn nhất				
5	Bội chung. BCNN	BCNN	Thông hiểu: Hiểu và có thể vận dụng quy tắc để tìm bội chung nhỏ nhất	-	0,5	-	-
6	Các phép tính trong tập hợp các số nguyên	Phép tính cộng, trừ số nguyên	Nhận biết: Nhận biết các phép tính cộng, trừ trong tập hợp số nguyên Thông hiểu: Biết sử dụng các quy tắc để giải các bài toán cơ bản	1	1	-	-
7	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật	Nhận biết: Nhận biết các yếu tố của hình chữ nhật về cạnh và đường chéo	1	-	-	-
8	Xác xuất thống kê	Biểu diễn dữ liệu trên bảng	Thông hiểu: Hiểu và có thể vận dụng các kiến thức về thống kê để giải các bài toán	-	1	-	-

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I TOÁN 6

NĂM HỌC: 2021-2022

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÁC CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG SỐ CÂU TỰ LUẬN	TỔNG THỜI GIAN	TỈ LỆ
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			CH TL	THỜI GIAN	CH TL	THỜI GIAN	CH TL	THỜI GIAN	CH TL	THỜI GIAN			
1	Các phép tính trong tập hợp N	Các phép tính cộng trừ, nhân , chia trong tập hợp N	1	5	-	-	2	18	1	14	4	37	33,33%
2	Thứ tự thực hiện các phép tính	Thứ tự thực hiện các phép tính	-	-	1	7	1	9	-	-	2	16	16,67%
3	SNT. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	1	5	-	-	-	-	-	-	1	5	8,33%
4	Ước chung.	ƯCLN	-	-	0,5	4	-	-	-	-	0,5	4	4,17%

	U'CLN												
5	Bội chung. BCNN	BCNN	-	-	0,5	4	-	-	-	-	0,5	4	4,17%
6	Các phép tính trong tập hợp các số nguyên	Phép tính cộng, trừ số nguyên	1	5	1	7	-	-	-	-	2	12	16,67%
7	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật Chu vi và diện tích	1	5	-	-	-	-	-	-	1	5	8,33%
8	Xác xuất thống kê	Biểu diễn dữ liệu trên bảng	-	-	1	7	-	-	-	-	1	7	8,33%
TỔNG			4	20	4	29	3	27	1	14	12 câu	90 phút	100%
TỈ LỆ			30%		40%		20%		10%				100%
TỔNG ĐIỂM			3		4		2		1				10